

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 186/2024/DS-ST  
Ngày 30-9-2024  
V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L V B.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn H

2. Ông Nguyễn Q

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Nam V.

Trong ngày 30/9/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 663/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429/2024/QĐXXST-DS, ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị M, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 36, xã X, thành phố C, tỉnh Đ (văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: X, thành phố C, tỉnh Đ.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Phú L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh G

Địa chỉ hiện nay: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

*Bà Huỳnh Thị G có mặt;*

*Ông Hà Phú L có văn bản xin vắng mặt;*

*Ông Nguyễn Minh L vắng mặt không lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị M có bà Huỳnh Thị G đại diện trình bày:

Do quen biết nên ngày 07/12/2013, bà M cho ông Nguyễn Minh L mượn số tiền 34.000.000 đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 444, tờ bản đồ số 7, diện tích 124,9 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại huyện C, tỉnh Đ để thế chấp cho CTy X để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Bà M là người đứng ra bảo lãnh cho ông L, ông L hứa trả cho bà M trong thời gian 03 tháng và không tính lãi, hai bên có làm biên nhận và ông L ký tên.

Ngày 16/12/2013, ông Nguyễn Minh L đến mượn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) với lý do nộp tiền mua xăng dầu, ông L hứa trong 01 tháng sẽ trả lại cho bà M, không tính lãi, hai bên có lập biên nhận do ông L ký tên.

Ngày 06/4/2014, ông Nguyễn Minh L tiếp tục đến mượn số tiền 179.000.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu đồng); thỏa thuận bắt đầu từ ngày 09/4/2014 trả lãi cho tôi là 5.400.000 đồng vào ngày 9 hàng tháng và hứa trả cho bà M trước ngày 06/7/2014, hai bên có lập biên nhận, ông L ký tên nhưng đến nay ông L chưa trả vốn và lãi cho bà M.

Đến ngày 10/01/2019, bà M nhận Quyết định thi hành án số 967/QĐ-CCTHADS có nội dung ông L phải thi hành án số tiền 150.000.000 đồng cho Cty xăng dầu Hồng Đức nếu không trả thì phát mãi tài sản thế chấp. Bà M đã nộp số tiền 150.000.000 đồng thi hành án xong và nhận lại tài sản thế chấp.

Tổng số nợ 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng); 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); 179.000.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu đồng), tổng cộng số tiền là 433.000.000 đồng. Ông L cố tình tránh mặt và không chịu trả tiền cho bà M.

Nay bà M yêu cầu buộc ông L trả: Yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh L trả số tiền 34.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng, số tiền 179.000.000 đồng và tiền 150.000.000 đồng, tổng số tiền 433.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Cao Thị M nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/8/2024 đối với số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi (của số tiền 150.000.000 đồng) là 145.665.000 đồng. Bà G đại diện bà M rút yêu cầu trả tiền lãi là 187.950.000 đồng (của số tiền vốn 179.000.000 đồng).

Các khoản tiền vay chưa trả vốn và lãi, bà G đại diện bà M yêu cầu ông Nguyễn Minh L trả các khoản tiền cụ thể: Số tiền 34.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng và số tiền 179.000.000 đồng, tổng cộng 283.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với ông Hà Phú L ý kiến:* Không tranh chấp và không có yêu cầu gì và xin vắng mặt các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử.

- *Đối với ông Nguyễn Minh L:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Do ông Nguyễn Minh L vắng mặt không lý do, ông Hà Phú L có văn bản xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị M tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu của bà Cao Thị M.

Ngày 07/12/2013, ông Nguyễn Minh L ký biên nhận vay của bà M số tiền 34.000.000 đồng, thời hạn ba tháng. Nay bà M yêu cầu ông L trả số tiền gốc 34.000.000 đồng.

Cùng ngày 07/12/2013, bà M cho ông Nguyễn Minh L mượn quyền sử dụng đất thửa 444, tờ bản đồ số 7, diện tích 124,9 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 200570, số vào sổ cấp GCN: H 01492, ngày 23/11/2009 do hộ bà Cao Thị M đứng tên, đất tọa lạc tại huyện C, tỉnh Đ, ông L thế chấp cho CTy X( *ấp c, xã C, huyện T, tỉnh G*) theo hợp đồng thế chấp số 07/HĐ-TCTS, ngày 18/12/2013, trị giá tài sản thế chấp là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để cho bà Nguyễn Thị Ngọc D– Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tùng D(*địa chỉ: Quốc lộ 53, ấp Phước Lộc A, xã Bình Phước, huyện M, tỉnh L*) mua xăng dầu cho Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Tùng D(*địa chỉ: ấp 3A, xã Ag, huyện L, tỉnh V*) mua xăng dầu. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST, ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L, giữa nguyên đơn CTy X với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D– Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tùng D (*địa chỉ: Quốc lộ 53, ấp Phước Lộc A, xã Bình Phước, huyện M, tỉnh L*), người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh L, bản án công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự, bà D và ông L đồng ý trả cho CTy X số tiền 426.980.000 đồng, trường hợp không trả được nợ thì được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà D và ông L không trả nợ, bà M xuất tiền thi hành án số tiền 150.000.000 đồng để lấy lại tài sản thế chấp. Do đó, M yêu cầu ông L trả lại số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi (*của số tiền vốn 150.000.000 đồng*) là 145.665.000 đồng. Tòa án nhân dân thành phố C đưa bà Nguyễn Thị Ngọc D– Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tùng D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền L, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thị M rút khởi kiện số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi 145.665.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị Ngọc D không còn liên quan trong vụ án, Tòa án nhân dân thành phố C đã ban hành thông báo về việc Nguyễn Thị Ngọc D không tiếp tục tham gia tố tụng. Nay bà M rút yêu cầu trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi 145.665.000 đồng, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trả số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi 145.665.000 đồng.

Ngày 16/12/2013, ông Nguyễn Minh L ký biên nhận vay của bà M số tiền 70.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời hạn trả nợ. Nay yêu cầu ông L trả số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2014, ông Nguyễn Minh L ký tờ cam kết có nội dung vay của bà M số tiền 179.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 5.400.000 đồng vào ngày 9 hàng tháng, đồng thời ông L cam kết sẽ trả nợ trước ngày 06/7/2014. Nay yêu cầu ông L trả số tiền 179.000.000 đồng.

Các khoản tiền vay đến nay không trả vốn và lãi.

Tại phiên tòa bà Cao Thị M rút yêu cầu trả tiền lãi 187.950.000 đồng (*của số tiền vốn 179.000.000 đồng*). Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi 187.950.000 đồng.

Nay, bà M yêu cầu ông Nguyễn Minh L trả các khoản tiền gồm: Số tiền 34.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng, số tiền 179.000.000, tổng cộng 283.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Minh L: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Nguyễn Minh L không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện ông L từ bỏ quyền và L ích của mình.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị M yêu cầu ông Nguyễn Minh L trả các khoản nợ gồm: số tiền 34.000.000 đồng, số tiền 70.000.000 đồng, số tiền 179.000.000 đồng, tổng cộng 283.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Cao Thị M về yêu cầu trả khoản tiền vốn 150.000.000 đồng, tiền lãi 145.665.000 đồng (*của số tiền vốn 150.000.000 đồng*) và số tiền lãi 187.950.000 đồng (*của số tiền vốn 179.000.000 đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh L phải chịu theo quy định pháp luật

Bà Cao Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị M.

Buộc ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị M số tiền 283.000.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của bà Cao Thị M về yêu cầu trả khoản tiền vốn 150.000.000 đồng, tiền lãi 145.665.000 đồng (*của số tiền vốn 150.000.000 đồng*) và số tiền lãi 187.950.000 đồng (*của số tiền vốn 179.000.000 đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.150.000 đồng.

Tiền tạm ứng án phí: Bà Cao Thị M đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 80/TB-TA, ngày 24/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Chi Cục THA DS TP. C;
- Viện kiểm sát ND TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**L V B**